

function in patients with iron deficiency anemia by three-dimensional speckle-tracking echocardiography. *Anatol J Cardiol* [Internet]. 2017 [cited 2022 Oct 29]; Available from: [https://www.anatoljcardiol.com/en/assessment-of-left-ventricular-systolic-function-in-patients-with-iron-deficiency-anemia-by-three-dimensional-](https://www.anatoljcardiol.com/en/assessment-of-left-ventricular-systolic-function-in-patients-with-iron-deficiency-anemia-by-three-dimensional-speckle-tracking-echocardiography-137552)

speckle-tracking-echocardiography-137552
8. **Ei-Badawy A, Mansour A, Abdelmoniem R, Rabee AS.** Effect of recombinant human erythropoietin treatment on left ventricular hypertrophy and cardiac function in dialysis patients. *J Egypt Soc Nephrol Transplant.* 2018;18(2):40.

THỰC TRẠNG SỨC KHỎE TÂM THẦN VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA SINH VIÊN THAM GIA CHỐNG DỊCH COVID 19 NĂM 2021

Đỗ Nam Khánh¹, Dương Thị Thu Hiền¹,
Cao Thị Thúy Anh¹, Nguyễn Ngọc Minh Hải¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu thực hiện nhằm đánh giá thực trạng sức khỏe tâm thần và một số yếu tố liên quan của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội trực tiếp tham gia chống dịch COVID 19 tại các địa phương năm 2021. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 494 sinh viên học viên. **Kết quả nghiên cứu:** Tỷ lệ trầm cảm, lo âu, stress trên sinh viên và BSNT tham gia chống dịch COVID-19 lần lượt là 18,8%, 7,6% và 43,3%. Trong đó mức độ stress rất nặng chiếm tỷ lệ tương đối cao với 40 người (8,3%). Các yếu tố ảnh hưởng tới tỷ lệ trầm cảm bao gồm: sinh viên tham gia truy vết, 2 lần tham gia chống dịch, tham gia chống dịch tại Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, thời gian chống dịch trên 60 ngày, nam giới. **Kết luận:** Tỷ lệ sinh viên tham gia chống dịch COVID 19 có vấn đề sức khỏe tâm thần tương đối cao, do đó cần có biện pháp hỗ trợ chăm sóc sức khỏe tâm thần cho sinh viên trước, trong và sau khi tham gia chống dịch nói chung và COVID 19 nói riêng.

Từ khóa: sức khỏe tâm thần, sinh viên, Trường Đại học Y Hà Nội, DASS

SUMMARY

THE STATUS OF MENTAL HEALTH AND SOME RELATED FACTORS OF STUDENTS PARTICIPATING IN COVID 19 FIGHTING IN 2021

Objective: The study was conducted to assess the mental health status and some related factors of Hanoi Medical University students who directly participating in the fight against COVID 19 pandemic in some provinces in 2021. **Research method:** a cross-sectional study was conducted on 494 students. **Research results:** The rates of depression, anxiety, and stress among medical students participating in the fight against COVID-19 were 18.8%, 7.6% and 43.3%, respectively. In which, the level of severe

stress accounted for a relatively high rate with 40 people (8.3%). Factors affecting the rate of depression include: students participating in tracing, 2 times participating in COVID 19 fighting, participating in Binh Duong, Ho Chi Minh City, time over 60 days, male. **Conclusions:** The rate of mental health among students participating in the COVID-19 epidemic is relatively high, so it is necessary to take measures to support mental health care for students before, during and after participating fight against the epidemic in general and COVID 19 in particular.

Keywords: Mental health, students, Hanoi Medical University, DASS

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

COVID-19 đã xuất hiện lần đầu vào tháng 12 năm 2019 và vào tháng 3 năm 2020 đã được Tổ chức Y tế Thế giới tuyên bố là đại dịch. Tác dụng tàn phá của virus SARS-CoV-2 gây bệnh đã lây nhiễm hàng triệu người trên 218 quốc gia và địa hình và dẫn đến hơn 1,4 triệu ca tử vong trên toàn cầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020¹. Cho đến tháng 10/2022, theo Cổng thông tin của bộ y tế về đại dịch COVID-19 tại Việt Nam đã ghi nhận 11.489.881 ca nhiễm trong đó có 43.155 ca tử vong². Bên cạnh những tác động tiêu cực nặng nề của COVID 19 đến kinh tế, xã hội và sức khỏe thể chất của người dân, nhiều nghiên cứu đã chứng minh về tác động tâm lý của COVID-19 đến dân số nói chung cho thấy thời gian cách ly lâu, sợ lây nhiễm, thông tin không đầy đủ, kỳ thị, hoặc tổn thất tài chính có liên quan đến mức độ lo lắng, tức giận, bối rối và căng thẳng sau chấn thương cao hơn³.

Để đối phó với đại dịch COVID 19 tại Việt Nam, năm 2021-2022, Bộ Y tế đã huy động thêm lực lượng sinh viên, học viên Y khoa của các trường đào tạo Y dược trên toàn quốc tham gia chống dịch COVID 19 bên cạnh sự tham gia của lực lượng y tế chính quy của hệ thống công lập và tư nhân, Bộ y tế đã. Hơn 1500 lượt sinh viên, học viên Trường Đại học Y Hà Nội trong năm

¹Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Nam Khánh

Email: donamkhanh@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 9.11.2022

Ngày phân biện khoa học: 12.12.2022

Ngày duyệt bài: 5.01.2023

2021 đã hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, Bộ Y tế đã xung phong trực tiếp tham gia vào chống dịch dài ngày ở các điểm nóng COVID 19 năm 2021 như Bắc Ninh, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội. Sinh viên Y khoa chính là những nhân viên y tế tuyến đầu, hỗ trợ chống dịch trực tiếp tại các điểm bùng phát dịch. Do vậy cần có một đánh giá về tác động tâm lý của COVID – 19 trên sinh viên Y. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu cụ thể đề cập về vấn đề sức khỏe tâm thần của sinh viên, học viên y tham gia chống dịch. Do đó chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng sức khỏe tâm thần và một số yếu tố liên quan của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội trực tiếp tham gia chống dịch năm 2021.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Nghiên cứu trên tất cả các sinh viên, học viên tình nguyện tham gia chống dịch của trường Đại học Y Hà Nội.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

+ Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Hà Nội

+ Thời gian tiến hành nghiên cứu: Từ tháng 12/2020 đến tháng 10 năm 2021.

+ Thời gian thu thập số liệu: Từ 1/10/2021 đến 30/10/2021.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

• **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang

• **Cỡ mẫu và chọn mẫu nghiên cứu**

+ Cỡ mẫu: Chọn toàn bộ sinh viên, học viên đủ điều kiện tham gia nghiên cứu.

+ Chọn mẫu: Lựa chọn tất cả sinh viên y của trường Đại học Y Hà Nội tham gia chống dịch COVID 19 thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn và không có yếu tố nào thuộc tiêu chuẩn loại trừ bao gồm 550 sinh viên và 50 BSNT.

=>Thực tế nghiên cứu đã lấy được 494 đối tượng gồm 465 sinh viên và 29 BSNT.

• **Biến số và chỉ số nghiên cứu**

+ Biến phụ thuộc: tỷ lệ trầm cảm, lo âu, stress; mức độ lo âu, trầm cảm, stress.

+ Biến độc lập: đặc điểm nhân khẩu học (tuổi, giới, chuyên ngành), đặc điểm liên quan tới phòng chống dịch COVID-19 (thời gian chống dịch, địa điểm chống dịch, số mũi vắc-xin COVID-19 đã tiêm, vị trí chống dịch, số lần

chống dịch).

• **Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin**

+ Bộ câu hỏi trực tuyến được xây dựng trên công cụ Redcap được gửi cho đối tượng nghiên cứu qua Email đã có sẵn.

+ Bộ câu hỏi điều tra online gồm các câu hỏi về thông tin về cá nhân, công tác chống dịch và 21 câu hỏi đánh giá trầm cảm, lo âu, stress theo thang đo DASS 21 đã được chuẩn hóa.

+ Bộ câu hỏi phát vấn gồm các câu hỏi về thông tin về cá nhân, công tác chống dịch, thói quen sinh hoạt, vấn đề ăn uống... và 21 câu hỏi theo thang đo DASS 21.

• **Phương pháp xử lý số liệu**

Xử lý số liệu: Xử lý số liệu bằng phần mềm Stata 3.1. Kết quả trình bày theo dạng bảng tần số, tỷ lệ, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn.

• **Đạo đức nghiên cứu.** Nghiên cứu khi thực hiện sau khi đã được thông qua Hội đồng bảo vệ đề cương của Viện đào tạo YHDP và YTCC - Trường Đại học Y Hà Nội. Đối tượng hoàn toàn tự nguyện tham gia vào nghiên cứu và có quyền rút lui khỏi nghiên cứu khi không đồng ý tiếp tục tham gia vào nghiên cứu, các thông tin cá nhân được đảm bảo bí mật.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

| Đặc điểm | Số lượng | Tỷ lệ % | |
|-----------------------------|-----------------|---------|-------|
| | | | |
| Giới tính | Nam | 187 | 37,9 |
| | Nữ | 307 | 62,1 |
| | Tổng số | 494 | 100,0 |
| Địa điểm chống dịch | Bắc Ninh | 45 | 9,1 |
| | Hà Nội | 258 | 52,2 |
| | Bình Dương | 257 | 52,0 |
| | TP. Hồ Chí Minh | 121 | 24,5 |
| Số mũi tiêm vắc-xin COVID19 | 0 mũi | 20 | 4,0 |
| | 1 mũi | 17 | 3,4 |
| | 2 mũi | 457 | 92,5 |

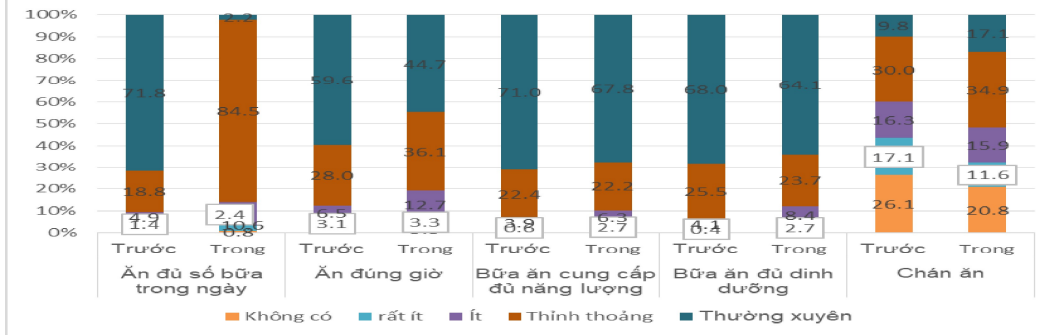
Sinh viên tham gia nghiên cứu có giới tính nữ chiếm 62,1%. Sinh viên tham gia chống dịch trên 30 ngày chiếm 77% tổng số sinh viên; 92,5% sinh viên đã tiêm đủ 2 mũi vaccine COVID 19, chỉ có gần 10% sinh viên tiêm 1 mũi và chưa tiêm mũi nào trước khi lên đường tham gia chống dịch.

Bảng 3.2. Mức độ các vấn đề sức khỏe tâm thần của đối tượng

| Mức độ | Trầm cảm | | Lo âu | | Stress | |
|-------------|----------|---------|-------|---------|--------|---------|
| | n | Tỷ lệ % | n | Tỷ lệ % | n | Tỷ lệ % |
| Bình thường | 393 | 81,2 | 442 | 92,4 | 272 | 56,7 |
| Trầm | 51 | 10,5 | 16 | 3,3 | 45 | 9,4 |

| | | | | | | | |
|-----|----------|----|-----|----|-----|----|------|
| cảm | Vừa | 25 | 5,2 | 11 | 2,3 | 93 | 19,4 |
| | Nặng | 7 | 1,5 | 5 | 1,0 | 30 | 6,2 |
| | Rất nặng | 8 | 1,6 | 5 | 1,0 | 40 | 8,3 |

Tính chung cho tất cả đối tượng, tỷ lệ trầm cảm, lo âu, stress lần lượt là 18,8%, 7,6% và 43,3%. Trong đó mức độ stress rất nặng chiếm tỷ lệ tương đối cao với 40 người (8,3%). Số người trầm cảm thường ở mức nhẹ và vừa, chỉ có 15 sinh viên có biểu hiện trầm cảm nặng đến rất nặng, chiếm hơn 3%.



Biểu đồ 3.1. Thay đổi tần suất của các thói quen ăn uống của đối tượng trong thời gian chống dịch so với trước khi chống dịch

Nhận xét: Phần lớn thói quen ăn uống của học viên, sinh viên trong thời gian chống dịch thay đổi nhiều so với trước khi chống dịch. Tỷ lệ sinh viên ăn đủ bữa ăn trong 1 ngày đạt mức cao so với trước khi chống dịch.

Bảng 3.3. Hồi quy logistic mô liên quan giữa các đặc điểm với tỷ lệ trầm cảm

| Đặc điểm | Đơn biến | | Đa biến | |
|-----------------------------|-------------------------|--------------|-------------------------|--------------|
| | OR [95 CI] | p | OR [95 CI] | p |
| Giới tính | | | | |
| Nữ | 1 | 0,070 | 1 | 0,029 |
| Nam | 1,5 (0,9 - 2,4) | | 1,9 (1,1 - 3,4) | |
| Địa điểm chống dịch | | | | |
| Bắc Ninh | 1,0 (0,4 - 2,1) | 0,912 | 1,9 (0,1 - 54,5) | 0,709 |
| Hà Nội | 1,2 (0,8 - 1,9) | 0,400 | 1,2 (0,5 - 3,0) | 0,674 |
| Bình Dương | 2,5 (1,5 - 4,1) | 0,000 | 3,6 (0,3 - 39,7) | 0,289 |
| TP. Hồ Chí Minh | 1,4 (1,2 - 1,7) | 0,002 | 1,3 (0,1 - 13,8) | 0,805 |
| Số lần chống dịch | | | | |
| 1 | 1 | 0,021 | 1 | 0,737 |
| 2 | 1,7 (1,1 - 2,7) | | 1,2 (0,4 - 3,3) | |
| ≥3 | 5,7 (0,3 - 92,6) | | 10,7 (0,4 - 325,5) | |
| Thời gian chống dịch | | | | |
| < 15 ngày | 1 | 0,252 | 1 | 0,798 |
| 15- 30 ngày | 1,9 (0,6 - 5,9) | | 1,4 (0,1 - 24,6) | |
| 30 - 40 ngày | 0,8 (0,3 - 2,4) | | 0,7 (0,1 - 8,6) | |
| 40- 60 ngày | 1,8 (0,8 - 4,1) | | 0,6 (0,0 - 8,4) | |
| ≥ 60 ngày | 6,1 (1,6 - 22,8) | | 3,0 (0,2 - 44,5) | |

Mô hình hồi quy đơn biến cho thấy: sinh viên tham gia truy vết, 2 lần tham gia chống dịch, tham gia chống dịch tại bình dương, cử nhân điều dưỡng, thời gian chống dịch trên 60 ngày là những yếu tố nguy cơ làm tăng khả năng trầm cảm ở sinh viên trong thời gian chống dịch. Nam giới là yếu tố nguy cơ tại mô hình hồi quy đa biến.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên 494 sinh viên, bác sĩ nội trú đã tham gia chống dịch

từ khoảng thời gian tháng 6/2021 – 11/ 2021. Đây là khoảng thời gian xảy ra làn sóng thứ 4 do COVID-19, hệ thống y tế gặp khủng hoảng do số lượng người mắc và tử vong do COVID-19 cao nhất kể từ khi bùng phát dịch. Do đó đã làm cho hệ thống y tế quá tải, chính vì vậy, việc bổ sung lực lượng phòng chống dịch là các sinh viên – những nhân viên y tế tương lai là việc vô cùng cấp thiết để đáp ứng lại sự bùng phát mạnh mẽ của đại dịch COVID-19. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ trầm cảm, lo âu, stress tại nghiên cứu

này lần lượt là 18,8%, 7,6% và 43,3%. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu tổng quan hệ thống của tác giả Tian và cộng sự⁴, khi đánh giá tỷ lệ trầm cảm, lo âu, stress trên nhân viên y tế nói chung là 37%, 40%, 42%. Tuy nhiên kết quả của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Tiến Đạt⁵, cũng thực hiện trên cùng quần thể nhưng tại thời điểm làn sóng dịch thứ nhất, với tỷ lệ trầm cảm và lo âu lần lượt là 14,5% và 7,3%. Sự khác biệt này là dễ hiểu, do nghiên cứu đó thực hiện trên những sinh viên không tham gia chống dịch, và thực hiện trong thời kì COVID-19 vẫn được kiểm soát tốt. Ngoài ra, sự tăng tỷ lệ trầm cảm, lo âu này là có cơ sở dựa vào những ảnh hưởng của việc chống dịch và sự quá tải của hệ thống y tế khi không thể đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe tinh thần cho những nhân viên y tế tham gia chống dịch.

Các yếu tố liên quan đối với trầm cảm tại nghiên cứu của chúng tôi bao gồm: sinh viên tham gia truy vết, 2 lần tham gia chống dịch, tham gia chống dịch tại Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, cử nhân điều dưỡng, thời gian chống dịch trên 60 ngày, nam giới. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Tiến Đạt cũng cho thấy tỷ lệ trầm cảm cao gấp 1,5 ở sinh viên nam so với sinh viên nữ. Điều này có thể giải thích do sinh viên nam thường đối mặt với số lượng công việc nặng hơn so với nữ, ví dụ nam giới chủ yếu được phân công công việc lấy mẫu xét nghiệm. Do đó cần phân bổ công việc chung đều cho cả hai giới để hạn chế các vấn đề do sức khỏe tâm thần. Bên cạnh đó sinh viên tham gia phòng chống dịch COVID 19 ở Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh cũng có nguy cơ cao hơn gặp các vấn đề sức khỏe tâm thần như trầm cảm, lo âu, stress. Điều này có thể được giải thích bởi sinh viên là những người trẻ, chưa có nhiều trải nghiệm cuộc sống ở nơi khác xa hoàn cảnh sống như ở miền Nam, bên cạnh đó thời điểm sinh viên được tăng cường vào Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh là thời điểm cao điểm nhất với tỷ lệ người mắc và người tử vong tăng cao, giãn cách xã hội nghiêm ngặt, điều kiện về cơ sở vật chất, ăn uống, dinh dưỡng, công việc rất khó khăn nên ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe tâm thần của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội. Các bằng chứng hiện tại cho thấy rằng nhân viên y tế lo sợ bị nhiễm bệnh và điều này dẫn đến trầm cảm⁶. Nỗi sợ hãi được hình thành do họ luôn nghĩ mình là nguồn lây nhiễm và lây lan bệnh cho gia đình, do đó cũng dẫn đến căng thẳng quá mức⁷. Người ta giải thích rằng nhân viên y tế có nhiều khả năng phát triển các triệu chứng trầm cảm hơn khi họ

làm việc trong môi trường có nguy cơ cao và khi họ trực tiếp tham gia vào việc chăm sóc hàng ngày cho bệnh nhân COVID-19.

Nghiên cứu của chúng tôi là nghiên cứu đầu tiên tại Việt Nam tập trung vào đối tượng sinh viên y chống dịch COVID-19, tuy nhiên nghiên cứu có một số hạn chế cần thừa nhận. Thiết kế nghiên cứu là mô tả cắt ngang, do đó mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố không được làm rõ. Chúng tôi sử dụng chọn mẫu có chủ đích, không có xác suất, do vậy quần thể chúng tôi không thể đại diện cho sinh viên Y đi chống dịch. Cần thêm nhiều nghiên cứu theo dõi dọc để đánh giá các tác động lâu dài của COVID-19 trên sinh viên y.

V. KẾT LUẬN

Sinh viên khi tham gia chống dịch COVID-19 có tỷ lệ khá cao bị trầm cảm, lo âu, stress trên lần lượt là 18,8%, 7,6% và 43,3%, mức độ stress rất nặng chiếm tỷ lệ tương đối cao với 40 người (8,3%). Các yếu tố ảnh hưởng tới tỷ lệ trầm cảm bao gồm: sinh viên tham gia truy vết, 2 lần tham gia chống dịch, tham gia chống dịch tại bình dương, cử nhân điều dưỡng, thời gian chống dịch trên 60 ngày, nam giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Coronavirus disease (COVID- 19) outbreak (2020).** <https://www.who.int/westernpacific/emergencies/COVID-19>.
2. **Cổng thông tin của Bộ Y tế về đại dịch COVID 19 (2022).** <https://COVID19.gov.vn/>.
3. **Brooks SK, Webster RK, Smith LE, et al (2020).** The psychological impact of quarantine and how to reduce it: rapid review of the evidence. *The lancet*; 395(10227):912-920.
4. **Tian-Ci Quek T, Tam W-S, X Tran B, et al (2019).** The global prevalence of anxiety among medical students: a meta-analysis. *International journal of environmental research and public health*; 16(15):2735.
5. **Nguyen DT, Ngo TM, Nguyen HLT, et al (2022).** The prevalence of self-reported anxiety, depression, and associated factors among Hanoi Medical University's students during the first wave of COVID-19 pandemic. *PLoS one*; 17(8):e0269740.
6. **Ho CS, Chee CY, Ho RC (2020).** Mental health strategies to combat the psychological impact of COVID-19 beyond paranoia and panic. *Ann Acad Med Singapore*; 49(1):1-3.
7. **Pappa S, Ntella V, Giannakas T, Giannakoulis VG, Papoutsis E, Katsaounou P (2020).** Prevalence of depression, anxiety, and insomnia among healthcare workers during the COVID-19 pandemic: A systematic review and meta-analysis. *Brain, behavior, and immunity*; 88:901-907.
8. **Di Tella M, Romeo A, Benfante A, Castelli L (2020).** Mental health of healthcare workers during the COVID-19 pandemic in Italy. *Journal of evaluation in clinical practice*; 26(6):1583-1587.